

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 07/FES(VN)/2024

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: Công ty TNHH FES (Việt Nam)

Địa chỉ: Số 11, Đường số 8, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Điện thoại: (0274).3767188 – 3767168 Fax: (0274).3767128.

Website: www.maccoffee.vn.

Mã số doanh nghiệp: 3700605006

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: Không áp dụng

Ngày Cấp/Nơi cấp: Không áp dụng.

Cơ sở đã có Giấy chứng nhận ISO 22000:2018 (có giá trị đến ngày 17/8/2026) và Giấy chứng nhận HACCP (có giá trị đến ngày 17/8/2026), được nộp kèm theo Bản tự công bố sản phẩm này.

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: MacCoffee Café PHỐ Cà phê Đen Đá.

2. Thành phần: Đường, cà phê hỗn hợp hòa tan (30 %), hương liệu tổng hợp, chất điều chỉnh độ acid (500 ii), muối, chất làm dày (466), chất tạo ngọt tổng hợp [Acesulfam kali (950), Aspartam (951)].

Sản phẩm có chứa đậu nành.

Không dùng cho người dị ứng với các thành phần của sản phẩm.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm:

- Hạn sử dụng (HSD): Xem trên bao bì.
- Ngày sản xuất (NSX): 24 tháng trước hạn sử dụng (HSD).

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

Sản phẩm được đóng gói trong màng ghép phức hợp thành từng gói 16 g với các quy cách như sau:

- Gói có khối lượng tịnh: 16 g.
- Hộp giấy có khối lượng tịnh: 160 g (10 gói x 16 g).
- Túi có khối lượng tịnh: 560 g (35 gói x 16 g).
- Túi có khối lượng tịnh: 480 g (30 gói x 16 g).
- Thùng giấy có khối lượng tịnh: 9,6 kg (60 hộp x 160 g).
- Thùng giấy có khối lượng tịnh: 10,08 kg (18 túi x 560 g).



- Thùng giấy có khối lượng tịnh: 9,6 kg (20 túi x 480 g).
- Thùng giấy có khối lượng tịnh: 9,6 kg (600 gói x 16 g).

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm (trường hợp thuê cơ sở sản xuất):

Sản xuất bởi: EMPIRE MANUFACTURING SDN BHD

Địa chỉ: Lô số 1723, Batu 9 ¼, Jalan Kapar, 42200 Klang, Selangor Darul Ehsan, Malaysia.

Điện thoại: (603) 325 85656 Fax: (603) 3250 1842

III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

1. Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia:

- QCVN 8-1: 2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm (Mục 1.1, 2.5).
- QCVN 8-2: 2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm (Mục 1.10; 2.22; 3.28; 4.7).

2. Thông tư các Bộ ngành:

- Thông tư 24/2019/TT-BYT: Quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm.
- Thông tư 29/2023/TT-BYT: Hướng dẫn nội dung, cách ghi thành phần dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng trên nhãn thực phẩm.

3. Các tiêu chuẩn khác: theo Tiêu chuẩn số 07/FES(VN)/2024 ngày 20/12/2024 (Tiêu chuẩn sản phẩm đính kèm).

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Bình Dương, ngày 20 tháng 12 năm 2024

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



Chinthaka Prabath Nanayakkara
Giám đốc khối sản xuất và vận hành



CÔNG TY TNHH FES (VIỆT NAM)	TIÊU CHUẨN SẢN PHẨM	Số: 07/FES(VN)/2024
Thực phẩm thường	MACCOFFEE CÀ PHÊ PHỐ CÀ PHÊ ĐEN ĐÁ	Ngày: 20/12/2024

1. Phạm vi:

Áp dụng cho sản phẩm MacCoffee Café PHỐ Cà phê Đen Đá.

2. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:

2.1. Các chỉ tiêu vi sinh vật:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	cfu/g	10 ⁴
2	Tổng số Coliforms	cfu/g	10
3	Escherichia coli	cfu/g	Không được có
4	Staphylococcus aureus	cfu/g	10
5	Bacillus cereus	cfu/g	10
6	Clostridium perfringens	cfu/g	10
7	Tổng số nấm men và mốc	cfu/g	10 ³



2.2. Các chỉ tiêu kim loại nặng: Phù hợp với QCVN 8-2: 2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm (Mục 1.10; 2.22; 3.28; 4.7)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Asen (As)	mg/kg	1
2	Cadimi (Cd)	mg/kg	1
3	Chì (Pb)	mg/kg	2
4	Thủy Ngân (Hg)	mg/kg	0,05

2.3. Các chỉ tiêu độc tố vi nấm: Phù hợp với QCVN 8-1: 2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm (Mục 1.1, 2.5)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Aflatoxin tổng số	µg/kg	4
2	Aflatoxin B1	µg/kg	2
3	Ochratoxin A	µg/kg	10

3. Yêu cầu về dinh dưỡng:

Phù hợp với Thông tư 29/2023/TT-BYT: Hướng dẫn nội dung, cách ghi thành phần dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng trên nhãn thực phẩm

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố có trong 16 g	Mức tối thiểu có trong 16 g (*)
1	Năng lượng	kcal	59	41,30
2	Chất đạm	g	1,86	1,302
3	Carbohydrat	g	12,60	8,820
4	Đường tổng số	g	10,10	7,070
5	Chất béo	g	0,02	0,014
6	Natri	mg	90,70	63,490



Ghi chú (*): Giá trị thực không thấp hơn 70% giá trị công bố trên nhãn

MacCoffee
Café PHỞ®

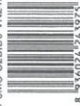
MacCoffee
Café PHỞ®

Cà phê
Đen Đá

MỠI



P3MC-C2BDD-VN245



8 936024 243725

MacCoffee
Café PHỞ®

Cà phê
Đen Đá

MỠI ly cà phê đen đá đậm đà là thời gian thưởng thức lâu cho bạn khởi đầu một ngày mới thật vui vẻ tràn đầy năng lượng.

Cà phê Đen Đá mới với công thức cải tiến và đặc biệt sản phẩm kết hợp cùng CÔNG NGHỆ ENCAP ĐỂ TẠO ra PHỞ có gạo gạo hương vị thuần túy của cà phê, không có các chất phụ gia và cà phê đen đá.

Đảm bảo vị đậm đà thành phẩm đạt chuẩn.

HSD:

Sản xuất tại Malaysia

EMPIRE MANUFACTURING SDN BHD

Lot 10, Jalan 10/1, Taman Industri 1, Seksyen 10, 46200 Petaling Jaya, Selangor, Darul Ehsan, Malaysia

Điện thoại: (603) 325 95566 Fax: (603) 325 95567

Đại lý: 50/11, Đường số 8, Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: +84 274 3727 088 Fax: +84 274 3727 128

Trụ sở thương mại của FUTURE ENTERPRISES PTE.LTD.

www.maccoffee.vn | MacCoffee

Phở là sản phẩm truyền thống của người Việt Nam

HSD: 24 tháng kể từ ngày sản xuất

Quality Product of Food Engine



MacCoffee
Café PHỞ®

Cà phê
Đen Đá

Đậm vị, đáng thưởng
phê khi thưởng

MỠI

CÀ PHÊ ĐEN ĐÁ TÀN
Khối lượng tịnh: 160 g (10 gói x 16 g)

Hãy pha với đá để có một ly cà phê thơm ngon đúng điệu

Hương dẫn sử dụng:

Ưng nóng: hòa tan 1 gói sản phẩm vào 100ml nước nóng, khuấy đều và thưởng thức.

Ưng lạnh: hòa tan 1 gói sản phẩm vào 100ml nước lạnh, khuấy đều và thưởng thức.

THÀNH PHẦN

Đường, cà phê hòa tan (20%), hương liệu tổng hợp, chất điều chỉnh độ axit (E501), muối, chất làm dày (E401), chất ổn định (E402), chất tạo màu (E102), Aspartam (E951).

Sản phẩm có chứa chất nhân tạo.

Không dùng cho người dị ứng với các thành phần của sản phẩm.

THÔNG TIN DINH DƯỠNG

Thành phần dinh dưỡng	Tên một khẩu phần ăn	% Giá trị dinh dưỡng dựa trên khẩu phần ăn
Năng lượng	59 kcal	3%
Chất béo	1.6g	3%
Carbohydrat	13.6g	4%
Đường tổng số	10.1g	9%
Chất xơ	0.02g	0%
Natri	90.7mg	5%

% giá trị dinh dưỡng tham chiếu (nutrient reference values - NRV) là tỉ lệ dựa trên nhu cầu dinh dưỡng hàng ngày với khẩu phần 2000 Kcal của một thành phần dinh dưỡng có trong một khẩu phần ăn.

ML - VN243

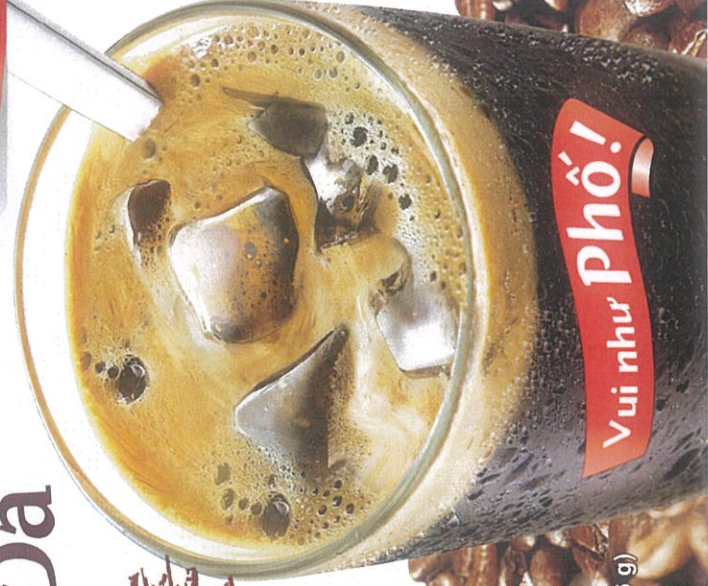
MacCoffee[®] Café PHỐ



Cà phê
Đen Đá

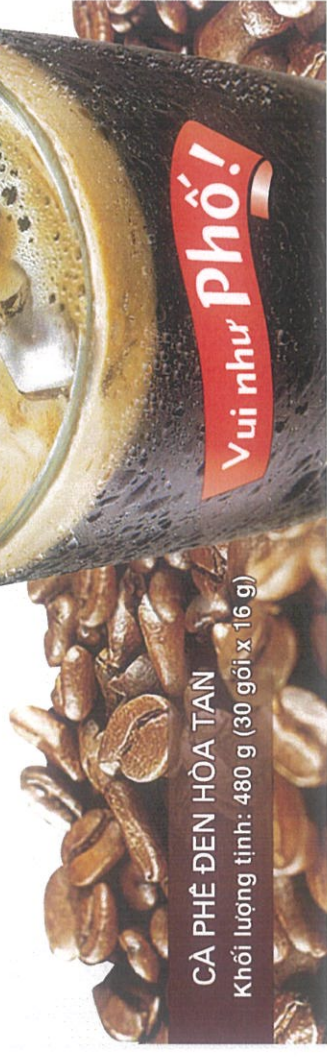
Đậm vị, đắng thanh
phê khó cưỡng

MỜI



Vui như Phố!

CÀ PHÊ ĐEN HÒA TAN
Khối lượng tịnh: 480 g (30 gói x 16 g)



Túi có khối lượng tịnh: 480 g (30 gói x 16 g) - Mặt sau

Cà phê
Đen Đá

MacCoffee®
Café PHỐ

THÀNH PHẦN:

Đường, cà phê hòa tan (30 %), hương liệu tổng hợp, chất điều chỉnh độ acid (500 ii, muối, chất làm dày (466), chất tạo ngọt tổng hợp (Acesulfam kali (950), Aspartam (951)). Sản phẩm có chứa dầu nhớt. Không dùng cho người dị ứng với các thành phần của sản phẩm.

THÔNG TIN DINH DƯỠNG

Tổng số khẩu phần ăn: 30		Kích cỡ một khẩu phần ăn: 16 g	
Thành phần dinh dưỡng		Trên một khẩu phần ăn	
			% Giá trị dinh dưỡng tham chiếu (NRV)
Năng lượng	59	kcal	3%
Chất đạm	1,86	g	4%
Carbohydrat	12,6	g	4%
Đường tổng số	10,1	g	
Chất béo	0,02	g	0%
Natri	90,7	mg	5%

% giá trị dinh dưỡng tham chiếu (nutrient reference values - NRV) là tỉ lệ đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng hàng ngày với khẩu phần 2000 Kcal) của mỗi thành phần dinh dưỡng có trong một khẩu phần ăn.



Hãy pha với đá để có một ly cà phê thơm ngon đúng điệu

Hướng dẫn sử dụng:

Ưong nóng: hòa tan 1 gói sản phẩm vào 50 ml nước nóng. Khuấy đều và thưởng thức.

Ưong lạnh: hòa tan 1 gói sản phẩm vào 50 ml nước lạnh, khuấy đều, cho thêm đá và thưởng thức.



Một ly cà phê đen đá đậm đà là thói quen không thể thiếu cho bạn khởi đầu một ngày mới tinh tảo và tràn đầy hứng khởi.

Cà phê Phố Đen Đá mới với công thức cải tiến và diện mạo sành điệu, kết hợp cùng CÔNG NGHỆ ENCAP ĐẾN TỪ THUY SÍ giúp giữ trọn hương vị thuần túy của cà phê, mang đến cho bạn một ly cà phê đen đá **Đậm vị, đáng thành, phê kho cường**

Sản xuất tại Malaysia.
Sân xuất bởi
EMPIRE MANUFACTURING SON BHD
Lô số 1723, Batu 9, Jalan Kapar, 42200 Klang, Selangor Darul Ehsan, Malaysia.
Điện thoại: (603)325 85656
Khu vực phân phối chính hãng của sản phẩm này là:
CÔNG TY TNHH FES (VIỆT NAM)
Địa chỉ: Số 11, Đường số 8, Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, P. Bình Hòa, TP. Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
Điện thoại: (+84) 274 3767188 Fax: (+84) 274 3767128
Theo nhượng quyền của FUTURE ENTERPRISES PTE.LTD.
(A member of Food Empire Holdings Limited)
Hàng chính hãng
MacCoffee

Bảo quản sản phẩm nơi khô ráo thoáng mát, tránh ánh sáng trực tiếp.
HSD: Xem trên bao bì. NSX: 24 tháng trước HSD.

HSD:



Đậm vị, đáng thành
phê kho cường



CÀ PHÊ ĐEN HÒA TÂN

Túi có khối lượng tịnh: 560 g (35 gói x 16 g) - Mặt trước

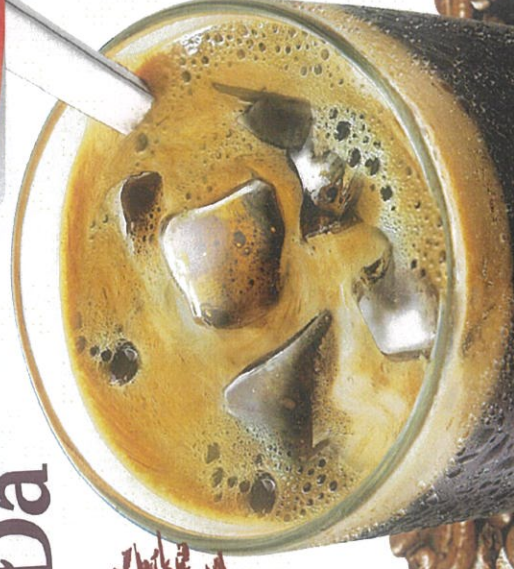
MacCoffee[®] Café PHỐ



Cà phê
Đen Đá

Đậm vị, đắng thanh
phê khó cưỡng

MỜI



Vui như PHỐ!

CÀ PHÊ ĐEN HÒA TÂN

Khối lượng tịnh: 560 g (35 gói x 16 g)

Túi có khối lượng tịnh: 560 g (35 gói x 16 g) - Mặt sau

Cà phê
Đen Đá

MacCoffee

Café PHỐ



THÀNH PHẦN:

Đường, cà phê hòa tan (30 %), hương liệu tổng hợp, chất điều chỉnh độ acid (500 i), muối, chất làm dày (466), chất tạo ngọt tổng hợp (Acesulfam kali (350), Aspartam (351)). Sản phẩm có chứa dầu thực vật.
Không dùng cho người dị ứng với các thành phần của sản phẩm.

THÔNG TIN DINH DƯỠNG

Tổng số khẩu phần ăn: 35

Kích cỡ một khẩu phần ăn: 16 g

Thành phần dinh dưỡng	Trên một khẩu phần ăn		% Giá trị dinh dưỡng tham chiếu (NRV)
	g	g	
Năng lượng	59	kcal	3%
Chất đạm	1,86	g	4%
Carbohydrat	12,6	g	4%
Đường tổng số	10,1	g	
Chất béo	0,02	g	0%
Natri	90,7	mg	5%

% giá trị dinh dưỡng tham chiếu (nutrient reference values - NRV) là tỷ lệ đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng hàng ngày (với khẩu phần 2000 Kcal) của một thành phần dinh dưỡng có trong một khẩu phần ăn.

Hãy pha với đá để có một ly cà phê thơm ngon đúng điệu

Hướng dẫn sử dụng:

Ưng nóng: hòa tan 1 gói sản phẩm vào 60 ml nước nóng, khuấy đều và thưởng thức.

Ưng lạnh: hòa tan 1 gói sản phẩm vào 50 ml nước lạnh, khuấy đều, cho thêm đá và thưởng thức.

Một ly cà phê đen đá đậm đà là thói quen không thể thiếu cho bạn khởi đầu một ngày mới tinh tảo và tràn đầy hưng khởi.

Cà phê Phố Đen Đá mới với công thức cải tiến và diện mạo sành điệu kết hợp cùng CÔNG NGHỆ ENCAP ĐẾN TỪ THỤY SĨ giúp giữ trọn hương vị thuần túy của cà phê, mang đến cho bạn một ly cà phê đen đá

Đậm vị, đậm thành, phê like cũng

Sản xuất tại Malaysia.

EMPIRE MANUFACTURING SDN BHD
Lot 10, 11, 12, 13, Batu 9 ½, Jalan Kipar, 42200 Klang, Selangor Darul Ehsan, Malaysia.

Điện thoại: (603)325 85655

Nhà sản xuất và chủ trách nhiệm về hàng hóa bán.

Công ty TNHH FES (Việt Nam) có văn phòng tại Việt Nam - Singapore, P. Bình Hòa, 8, Khu phố 8, Phường Bình Dương, Việt Nam.

Điện thoại: (+84) 274 3767188 Fax: (+84) 274 3767128

Theo thương quyền của FUTURE ENTERPRISES PTE.LTD.
(A member of Food Empire Holdings Limited)

MacCoffee.vn
@maccoffee.vn

Bảo quản sản phẩm nơi khô ráo thoáng mát, tránh ánh sáng trực tiếp.
HSD: Xem trên bao bì. NSX: 24 tháng trước HSD.

HSD:

P/MAC C28UD-VN243
8 436024 243471

Quality Product of
Food Empire

CÀ PHÊ ĐEN HÒA TÂN





AR-24-VD-130337-01-VI / EUVNHC-00288783 - 01- Trang : 1 / 2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Công Ty TNHH FES (Việt Nam)

Số 11 Đường Số 8, KCN Việt Nam - Singapore, Phường Bình Hòa

Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Mã số PO của khách hàng : NA9J2408280527

Mã số mẫu : 743-2024-00126945

Mã số Eol :

005-32410-322925

Tên mẫu :

MacCoffee Café PHỐ Cà phê Đen Đá

Tình trạng mẫu :

Mẫu thành phẩm

Ngày nhận mẫu :

28/08/2024

Ngày hẹn trả kết quả khách hàng : 06/09/2024

Thời gian thử nghiệm :

28/08/2024 - 05/09/2024

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VD157 VD (a) Xơ Dinh Dưỡng	g/ 100 g	AOAC 991.43	3.01
2	VD297 VD (a) Tro tổng	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-3497 (Ref. FAO Food 14/7-1986)	5.17
3	VD279 VD (a) Natri (Na)	mg/ kg	EVN-R-RD-2-TP-3500 (Ref. AOAC 969.23)	5670
4	VDERJ VD Carbohydrat (không bao gồm xơ dinh dưỡng)	g/ 100 g	FAO Food and Nutrition paper 77 Chapter 2/section 2.3:2003; AOAC 991.43	78.8
5	VDYL7 VD (a) Chất béo	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-3498 (Ref. FAO Food 14/7-1986)	Phát hiện vết (<0.3)
6	VDS54 VD (a) Chất đạm	g/ 100 g	TCVN 10034:2013; ISO 1871:2009	11.6
7	VD50K VD (a) Độ ẩm (Karl Fischer)	%	TCVN 9722:2013 (ISO 20938:2008)	1.33
8	VD4P0 VD (a) Đường tổng	%	EVN-R-RD-2-TP-4978 (Ref. AOAC 977.20)	63.3
9	VD4P0 VD (a) Fructose	%	EVN-R-RD-2-TP-4978 (Ref. AOAC 977.20)	Không phát hiện (LOD=0.15)
10	VD4P0 VD (a) Glucose	%	EVN-R-RD-2-TP-4978 (Ref. AOAC 977.20)	Không phát hiện (LOD=0.15)
11	VD4P0 VD (a) Lactose	%	EVN-R-RD-2-TP-4978 (Ref. AOAC 977.20)	Không phát hiện (LOD=0.15)
12	VD4P0 VD (a) Maltose	%	EVN-R-RD-2-TP-4978 (Ref. AOAC 977.20)	Phát hiện vết (<0.5)
13	VD4P0 VD (a) Sucrose	%	EVN-R-RD-2-TP-4978 (Ref. AOAC 977.20)	62.9
14	VD9T0 VD Năng lượng (tính theo Carbohydrat không bao gồm xơ dinh dưỡng)	kcal/ 100 g	FAO 2003 77	369

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ký tên

Nguyễn Anh Vũ
Giám Đốc Chi nhánh Hồ Chí MinhLý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Anh Vũ 03/10/2024, và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 03/10/2024.

Ghi chú giải thích

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng cung cấp. Thông tin mẫu và thông tin khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm hoặc tham chiếu đến Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng trong các hoạt động quảng cáo, khuyến mại hoặc các hoạt động có thể gây xung đột lợi ích.

Thông thường, mẫu được lưu giữ 7 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu để hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thỏa thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.

Hết thời hạn lưu mẫu, Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.

Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thỏa thuận giữa Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải www.eurofins.vn/vn/eurofins-tai-viet-nam/eurofins-sack-ky-hai-dang/dieu-khoan-va-dieu-kiem-chung-ve-cung-cap-dich-vu/.

Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.

Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sắc Ký Hải Đăng xây dựng.

Các phép thử bắt đầu bởi ký tự "VD", "VE", "VW" và không có ký tự "EXT" đi kèm được thực hiện tại phòng thí nghiệm Eurofins Sắc Ký Hải Đăng.

(a): được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.



Mã số mẫu / Sample code Nr.: 743-2024-00126945

Mã số kết quả / Analytical Report Nr.: AR-24-VD-130337-01 / EUVNHC-00288783

THÔNG TIN DINH DƯỠNG (NUTRITION FACTS)			
Tổng số phần ăn:			
Kích cỡ một phần ăn: 16 g			
Thành phần dinh dưỡng	Trên một phần ăn		% giá trị dinh dưỡng tham chiếu (NRV)
Năng lượng (Energy)	59	kcal	3%
Chất đạm (Protein)	1.86	g	4%
Carbohydrate	12.6	g	4%
Đường tổng số (Total Sugars)	10.1	g	
Chất béo (Fat)	0.02	g	0%
Natri (Sodium)	90.7	mg	5%
% giá trị dinh dưỡng tham chiếu (nutrient reference values - NRV) là tỷ lệ đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng hàng ngày (với khẩu phần 2000 Kcal) của mỗi thành phần dinh dưỡng có trong một phần ăn.			

Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử. Biểu mẫu bảng dinh dưỡng chỉ có giá trị tham khảo, Quý khách vui lòng xem quy định hiện hành./ Test results are valid only for test sample. The nutrition facts form is reference only. The customer should update it and comply with regulation currently.



AR-24-VD-130337-01-VI / EUVNHC-00288783 - 02- Trang : 1 / 2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Công Ty TNHH FES (Việt Nam)

Số 11 Đường Số 8, KCN Việt Nam - Singapore, Phường Bình Hòa

Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Mã số PO của khách hàng : NA9J2408280527

Mã số mẫu : 743-2024-00126945

Mã số Eol :

005-32410-322925

Tên mẫu :

MacCoffee Café PHỐ Cà phê Đen Đá

Tình trạng mẫu :

Mẫu thành phẩm

Ngày nhận mẫu :

28/08/2024

Ngày hẹn trả kết quả khách hàng : 06/09/2024

Thời gian thử nghiệm :

28/08/2024 - 05/09/2024

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VD334 VD (a) <i>Clostridium perfringens</i>	cfu/ g	TCVN 4991:2005 (ISO 7937:2004)	Không phát hiện (LOD=10)
2	VD353 VD (a) <i>Escherichia coli</i>	cfu/ g	TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001)	Không phát hiện (LOD=10)
3	VD373 VD (a) <i>Staphylococcus aureus</i>	cfu/ g	AOAC 975.55	Không phát hiện (LOD=10)
4	VD398 VD (a) <i>Bacillus cereus</i>	cfu/ g	AOAC 980.31	Không phát hiện (LOD=10)
5	VD325 VD (a) Tổng số vi sinh vật hiếu khí	cfu/ g	ISO 4833-1:2013/Amd.1:2022	5.5x10 ⁵
6	VD340 VD (a) Coliforms	cfu/ g	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006)	Không phát hiện (LOD=10)
7	VD384 VD (a) Tổng số nấm men và nấm mốc	cfu/ g	TCVN 8275-2:2010 (ISO 21527-2:2008)	Không phát hiện (LOD=10)
8	VD855 VD (a) Cadimi (Cd)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.01)
9	VD861 VD (a) Chì (Pb)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.017)
10	VD856 VD (a) Arsen (As)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Phát hiện vết (<0.03)
11	VD857 VD (a) Thủy ngân (Hg)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.007)
12	VD063 VD (a) Ochratoxin A	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-5627 (Ref. AOAC International 84.6 2001:1818-1827)	5.17
13	VD821 VD (a) Aflatoxin B1	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-5060 (Ref. DIN EN 14123:2008-03)	Không phát hiện (LOD=0.5)
14	VD821 VD (a) Aflatoxin tổng (B1, B2, G1, G2)	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-5060 (Ref. DIN EN 14123:2008-03)	Không phát hiện (LOD=0.5)
15	VD4AX VD (a) Aflatoxin M1	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP16123 (Ref. I'screen AFLA M1 (Cat. nr. HU0040002))	Không phát hiện (LOD=0.037)
16	VD3HT VD (a) Diazinon	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.003)

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.



AR-24-VD-130337-01-VI / EUVNHC-00288783 - 02- Trang : 2 / 2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ký tên

Nguyễn Anh Vũ
Giám Đốc Chi nhánh Hồ Chí MinhLý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Anh Vũ 03/10/2024, và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 03/10/2024.

Ghi chú giải thích

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng cung cấp. Thông tin mẫu và thông tin khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm hoặc tham chiếu đến Công ty TNHH Eurofins Sắc Kỳ Hải Đăng trong các hoạt động quảng cáo, khuyến mại hoặc các hoạt động có thể gây xung đột lợi ích.

Thông thường, mẫu được lưu giữ 7 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thỏa thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.

Hết thời hạn lưu mẫu, Công ty TNHH Eurofins Sắc Kỳ Hải Đăng không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.

Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thỏa thuận giữa Công ty TNHH Eurofins Sắc Kỳ Hải Đăng và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải www.eurofins.vn/vn/eurofins-tai-viet-nam/eurofins-sack-ky-hai-dang/dieu-khoan-va-dieu-kiem-chung-ve-cung-cap-dich-vu/.

Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.

Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sắc Kỳ Hải Đăng xây dựng.

Các phép thử bắt đầu bởi ký tự "VD", "VE", "VW" và không có ký tự "EXT" đi kèm được thực hiện tại phòng thí nghiệm Eurofins Sắc Kỳ Hải Đăng.

(a): được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.

